

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Nguyễn Nam Phương⁺,
Nguyễn Văn Tú,
Lại Thùy Linh,
Phùng Thị Lệ Hằng

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
⁺ Tác giả liên hệ • Email: phuongnn@hnu.edu.vn

Article history

Received: 02/4/2024

Accepted: 27/5/2024

Published: 05/8/2024

Keywords

Presentations, teacher
education, teacher students,
digital transformation

ABSTRACT

In the current context of robust advancement in science and technology, developing learning skills, including presentation skills and digital presentation skills, is a big challenge for pedagogical university students. From the theoretical basis of presentation skills of pedagogical students in the current context, the article analyzes and surveys the current status of students' presentation skills with 405 students at Hanoi University of Education. At the same time, the author proposes some measures to train presentation skills for students through integrating presentation skills training in Professional development courses at pedagogical universities. This is one of the effective measures that contributes to improving presentation skills for pedagogical university students in the context of digital transformation.

1. Mở đầu

Bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ đã tạo ra những thách thức mới đối với sinh viên (SV) đại học sư phạm (ĐHSP), đặc biệt là trong việc phát triển và áp dụng các kỹ năng học tập (Dư Thống Nhất và cộng sự, 2021; Huỳnh Văn Sơn, 2018) và kỹ năng thuyết trình (KNTT) (Nguyễn Thị Tuấn Anh, 2013; Nguyễn Thị Thế Bình và cộng sự, 2020; Nguyễn Thị Thu Trang, 2019; Dương Thị Liễu, 2009). Đối với SV ĐHSP, việc nắm vững những kỹ năng này không chỉ là điều quan trọng để họ có thể tiếp cận và sử dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy (Nguyễn Thị Kim Dung và cộng sự, 2015) mà còn là để họ trở thành những GV linh hoạt và hiệu quả trong môi trường giáo dục ngày nay (Nguyễn Thị Thế Bình và cộng sự, 2020; Dư Thống Nhất và cộng sự, 2021; Nguyễn Thị Thu Hà, 2016).

Kỹ năng học tập là nền tảng quan trọng để SV trường ĐHSP có thể tiếp tục học hỏi và phát triển trong môi trường chuyển đổi số (Fallows & Steven, 2000; Mai Quang Huy và Đỗ Thị Minh Tâm, 2022). Tuy nhiên, trong bối cảnh môi trường học tập trực tuyến ngày càng phổ biến, SV cần phải có khả năng tự quản lý thời gian, tìm kiếm thông tin và sử dụng công nghệ một cách hiệu quả để nắm bắt kiến thức mới (Smirnova & Nuzha, 2013; Nguyễn Nam Phương và Nguyễn Văn Tú, 2023). KNTT cũng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong môi trường chuyển đổi số (De Grez và cộng sự, 2009). Việc truyền đạt kiến thức và ý tưởng một cách rõ ràng và hấp dẫn qua các phương tiện trực tuyến đòi hỏi SV phải có khả năng sử dụng công nghệ để tạo ra các bài thuyết trình chất lượng cao và tương tác hiệu quả với đối tượng người học (Trương Thị Hoa và Nguyễn Thùy Linh, 2017). Do đó, việc phát triển kỹ năng học tập, KNTT và KNTT trong bối cảnh chuyển đổi số là một thách thức lớn đối với SV trường ĐHSP. Để đáp ứng được yêu cầu của môi trường giáo dục hiện đại, các chương trình đào tạo cần phải cập nhật và tích hợp các hoạt động và nội dung giúp SV phát triển và thực hành những kỹ năng này trong môi trường số hóa (Nguyễn Nam Phương và Nguyễn Văn Tú, 2023; Nguyễn Duan và cộng sự, 2021).

Trong bối cảnh hiện nay, việc một SV mới ra trường có kiến thức về một môn học là không còn đủ nữa; SV ngày càng cần phải đạt được những kỹ năng khác để nâng cao triển vọng việc làm của mình (Fallows & Steven, 2000; Dư Thống Nhất và cộng sự, 2021). Nghiên cứu của Mai Quang Huy và Đỗ Thị Minh Tâm (2022) chỉ ra rằng trong số những kỹ năng mềm cần rèn luyện và phát triển cho SV Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, KNTT của SV chiếm 46% ở mức bình thường, 38% ở mức rất tốt và tốt, 16% ở mức chưa tốt và kém. Nghiên cứu của Trương Thị Hoa và Nguyễn Thùy Linh (2017) điều tra trên 200 SV khóa K65 của Trường ĐHSP Hà Nội cho thấy kỹ năng nói và KNTT của SV ở mức độ trung bình và yếu. Nguyên nhân chủ yếu là do bản thân SV chưa tích cực, chủ động trong việc rèn luyện kỹ năng này. SV hiện nay đang phải đối mặt với một số vấn đề trong quá trình rèn luyện và phát triển KNTT, họ cảm thấy bối rối, lo lắng, xấu hổ, ngại ngùng, thiếu tự tin khi nói trước lớp hoặc trước đám đông (Nguyễn Thị Hồng Chuyen và cộng sự, 2020; Trương Đức Vinh và Hồ Thủy An,

2023; Nguyễn Thị Thu Trang, 2019). Điều này cho thấy SV nói chung, SV trường ĐHSP nói riêng cần được trang bị, củng cố và rèn luyện thêm về KNTT để phục vụ cho công việc trong tương lai, nhất là với bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ như hiện nay.

Với sự phổ biến của các phương tiện và dữ liệu số trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, SV nhất thiết cần chủ động và sẵn sàng cho sự thích ứng, học hỏi và rèn luyện kỹ năng (Nguyễn Nam Phương và Nguyễn Văn Tú, 2023; Huỳnh Văn Sơn, 2018; Smirnova & Nuzha, 2013) để nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tìm kiếm việc làm trong tương lai (Vuorikari et al., 2016). Rèn luyện và nâng cao KNTT cho SV đại học nói chung, SV sư phạm nói riêng giúp họ phát triển được các năng lực số cơ bản (UNESCO, 2018; Vuorikari et al., 2016; Fallows & Steven, 2000).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

- *KNTT trong bối cảnh chuyển đổi số.* Thuyết trình là trình bày bằng lời trước nhiều người về một vấn đề nào đó nhằm cung cấp thông tin hoặc thuyết phục, gây ảnh hưởng đến người nghe. Trong thuyết trình, cũng giống như bất kỳ hình thức truyền thông nào khác, có năm yếu tố căn bản thường được biểu thị như sau: “ai đang nói điều gì với ai và đang sử dụng phương tiện nào để tạo ra kết quả gì?” (Nguyễn Thị Thế Bình và cộng sự, 2020). KNTT là quy trình và các phương pháp nhằm giúp cho hoạt động thuyết trình đạt hiệu quả cao. Là một trong những kỹ năng được sử dụng phổ biến trong cuộc sống và công việc, đặc biệt đối với người GV. KNTT là một trong những kỹ năng cơ bản cần thiết đối với những người hoạt động xã hội và có quan hệ với nhiều bên khác nhau (Nguyễn Thị Thế Bình và cộng sự, 2020).

Theo đó, *KNTT trong bối cảnh chuyển đổi số là khả năng của cá nhân trình bày thông tin một cách hiệu quả và ảnh hưởng đến đối tượng người nghe thông qua sự sử dụng các công nghệ số và các phương tiện truyền thông kỹ thuật số.* Trong bối cảnh chuyển đổi số, KNTT không chỉ đòi hỏi khả năng giao tiếp lời nói mà còn cần sự hiểu biết và sử dụng thành thạo các công cụ và ứng dụng công nghệ như slide trình chiếu, hình ảnh video và các nền tảng AI khác để tạo ra hiệu ứng tương tác và gây ấn tượng mạnh mẽ cho khán giả.

- *Rèn luyện KNTT trong bối cảnh chuyển đổi số.* Rèn luyện và tự rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, trong đó có KNTT có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với SV sư phạm, GV và HS. *Rèn luyện KNTT trong bối cảnh chuyển đổi số* là quá trình bồi dưỡng và phát triển các kỹ năng liên quan đến thuyết trình, đặc biệt là trong môi trường kỹ thuật số. Quá trình này bao gồm việc học và áp dụng các kỹ thuật thuyết trình truyền thống cùng với việc tiếp cận và sử dụng các công nghệ mới và các công cụ kỹ thuật số để tạo ra bài thuyết trình hiện đại và gây ấn tượng.

- *Biểu hiện của KNTT trong bối cảnh chuyển đổi số.* Trong quá trình thuyết trình, người thuyết trình tận dụng các công nghệ số và các phương tiện kỹ thuật số để trình bày một thông tin một cách hiệu quả và gây ấn tượng đối với khán giả. Điều này thể hiện thông qua việc sử dụng slide trình chiếu chuyên nghiệp với các hiệu ứng động, video, hình ảnh sống động, âm thanh chất lượng cao và các công nghệ tương tác như trò chơi trực tuyến hoặc ứng dụng AI để tạo ra trải nghiệm thú vị và ấn tượng cho khán giả.

2.2. Thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

2.2.1. Khái quát chung về khảo sát

- *Phương pháp khảo sát:* Nghiên cứu này tập trung trả lời 3 câu hỏi nghiên cứu: (1) KNTT của SV sư phạm trong bối cảnh chuyển đổi số có những biểu hiện cụ thể như thế nào, và có khác biệt gì so với KNTT của SV sư phạm trước đây?; (2) Có những yếu tố nào ảnh hưởng tới việc rèn luyện KNTT của SV sư phạm trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay?; (3) Đề xuất biện pháp rèn luyện KNTT cho SV sư phạm trong bối cảnh chuyển đổi số được thực hiện minh họa như thế nào? Nhóm phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng bao gồm phương pháp nghiên cứu lý luận (tổng hợp và phân tích tài liệu), phương pháp thực tiễn (khảo sát giáo dục, phỏng vấn) và phương pháp thử nghiệm (lập kế hoạch và thử nghiệm kế hoạch tác động).

Khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng tới rèn luyện KNTT cho SV Trường ĐHSP Hà Nội (N=405) trong bối cảnh chuyển đổi số và kết quả đạt được với các nội dung khảo sát được xác định theo điểm trung bình (ĐTB) của mỗi yếu tố. Cách tính điểm cho các khoảng trung bình: (max-min):5=0.8. Quy định các mức điểm như sau: Mức 1 = Không có ảnh hưởng, $1 \leq TBC < 1.8$; Mức 2 = Có rất ít ảnh hưởng, hiếm khi xảy ra, $1.81 \leq TBC < 2.6$; Mức 3 = Có sự ảnh hưởng, không thường xuyên: $2.61 \leq TBC < 3.4$; Mức 4 = Có ảnh hưởng, diễn ra thường xuyên $3.41 \leq TBC < 4.2$; Mức 5 = Có ảnh hưởng, rất thường xuyên: $4.21 \leq TBC < 5$.

- Mô tả khách thể tham gia khảo sát (bảng 1)

Bảng 1. Thông tin khách thể tham gia khảo sát

Nội dung	Số lượng (N=405)
Nữ	342 (84.4%)
Nam	63 (15.6%)
Năm thứ 1	01 (0.25%)
Năm thứ 2	352 (86.9%)
Năm thứ 3	50 (12.35%)
Năm thứ 4	02 (0.5%)
Học lực xuất sắc	53 (13.1%)
Học lực tốt	135 (33.3%)
Học lực khá	184 (45.4%)
Học lực trung bình	28 (6.9%)
Học lực yếu	5 (1.3%)
Khoa học tự nhiên (ngoài Sư phạm)	61 (15.1%)
Khoa học xã hội (ngoài Sư phạm)	47 (11.6%)
Khoa học giáo dục (khỏi Sư phạm)	297 (73.3%)

2.2.2. Kết quả khảo sát

2.2.2.1. Mức độ tự tin của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội khi thực hiện bài thuyết trình

Bảng 2. Đánh giá của SV Trường ĐHSPT Hà Nội về mức độ tự tin khi thực hiện bài thuyết trình

Các mức độ	Tỉ lệ (%)
Rất tự tin	1,5
Tự tin	22,2
Cần thời gian để trấn tĩnh tinh thần	49,4
Ít tự tin	20,5
Không tự tin	6,4
Tổng số	100%

Bảng 2 cung cấp tổng quan về mức độ tự tin khi thực hiện bài thuyết trình của SV Trường ĐHSPT Hà Nội. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 1,5% SV cảm thấy tự tin khi thuyết trình. Đây là một tỉ lệ rất thấp, cho thấy hầu hết SV không có mức độ tự tin cao khi đứng trước đám đông để thuyết trình. Gần một nửa (49,4%) SV cần thời gian để trấn tĩnh tinh thần trước khi thuyết trình. Điều này cho thấy rằng, dù không hoàn toàn thiếu tự tin, nhiều SV vẫn cần thời gian chuẩn bị tinh thần và có thể cảm thấy lo lắng trước khi bắt đầu thuyết trình. Ngoài ra, điều này cũng nói lên nhu cầu rõ ràng về hỗ trợ tinh thần và KNTT của SV ĐHSPT. Có thể nói, KNTT là một kĩ năng quan trọng đối với SV sư phạm vì họ là những nhà giáo tương lai, cần phải đứng trước lớp học và truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả. Do đó, việc nâng cao kĩ năng này thông qua đào tạo và hỗ trợ là điều rất cần thiết.

2.2.2.2. Mức độ thường xuyên của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội rèn luyện kĩ năng thuyết trình trong bối cảnh chuyển đổi số

Bảng 3. Đánh giá của SV Trường ĐHSPT Hà Nội về mức độ thường xuyên thực hiện bài thuyết trình hoặc một nội dung nói trước lớp

Các mức độ	Tỉ lệ (%)
Rất thường xuyên	2,8
Thường xuyên	14,8
Thỉnh thoảng	53,3
Hiếm khi	24,9
Chưa từng	4,2
Tổng số	100%

Khảo sát về mức độ thường xuyên của SV Trường ĐHSPT Hà Nội rèn luyện KNTT trong bối cảnh chuyển đổi số ở bảng 3 cho thấy, đa số SV không thường xuyên thực hiện bài thuyết trình hoặc một nội dung nói trước lớp. Chỉ có 17,6% (2,8% rất thường xuyên + 14,8% thường xuyên) SV thường thực hiện bài thuyết trình, trong khi phần lớn SV chỉ thỉnh thoảng hoặc hiếm khi thực hiện hoạt động này. Việc có 4,2% SV chưa từng thực hiện bài thuyết trình là

một vấn đề lớn, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục hiện đại và chuyển đổi số, nơi CNTT ngày càng trở nên quan trọng. Có thể thấy, việc thúc đẩy và tạo điều kiện cho SV rèn luyện CNTT thường xuyên là rất cần thiết, tạo cơ hội cho SV được thực hành và phát triển kỹ năng này nhiều hơn trong tương lai.

2.2.2.3. Các công cụ hỗ trợ rèn luyện kỹ năng thuyết trình của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Bảng 4. Các công cụ hỗ trợ rèn luyện CNTT của SV Trường ĐHSPh Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số

Nội dung	Slide trình chiếu	Hình ảnh, video	Bảng biểu, đồ thị	Âm thanh
1. Công cụ hỗ trợ thực hiện bài thuyết trình	68.7%	8.1%	10.6%	12.6%
2. Công cụ hỗ trợ giúp SV truyền đạt thông tin rõ ràng, mạch lạc hơn	48.4%	22.2%	10.1%	19.3%
3. Công cụ hỗ trợ giúp SV thu hút sự chú ý của người nghe	14.6%	54.1%	5.4%	25.9%
4. Công cụ hỗ trợ giúp SV thuyết trình tự tin hơn	62%	16.8%	7.9%	13.3%

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy trong bối cảnh chuyển đổi số, các công cụ hỗ trợ CNTT của SV nhiều nhất là slide trình chiếu (mức độ 68.7%). Công cụ giúp SV truyền đạt thông tin rõ ràng, mạch lạc hơn chiếm tỉ lệ cao nhất cũng là slide trình chiếu (48.4%). Công cụ hỗ trợ giúp thu hút sự chú ý của người nghe được đánh giá cao nhất là Hình ảnh, video (54.1%). Công cụ hỗ trợ giúp SV thuyết trình tự tin hơn là slide trình chiếu (62%). Có thể thấy, sử dụng slide trình chiếu hỗ trợ CNTT của SV Trường ĐHSPh Hà Nội chiếm ưu thế.

2.2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới rèn luyện kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số

Bảng 5. Các yếu tố ảnh hưởng tới rèn luyện CNTT cho SV Trường ĐHSPh Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số

STT	Các yếu tố ảnh hưởng tới rèn luyện CNTT	ĐTB	Thứ bậc
1	Sự chuẩn bị của cá nhân	3.94	1
2	Mức độ luyện tập trình bày của bản thân	3.78	2
3	Mức độ kiểm soát cảm xúc của bản thân	3.69	3
4	Kinh nghiệm xử lý tình huống khi trình bày vấn đề	3.61	5
5	Các vấn đề của ngôn ngữ cá nhân	3.47	6
6	Mức độ tự tin của bản thân	3.65	4
7	Các thiết bị hỗ trợ về hình ảnh	3.43	7
8	Sắp xếp của không gian thực hiện thuyết trình	3.22	8
9	Mức độ nắm được thông tin về người nghe	3.08	9
ĐTB chung		3.54	

Kết quả thống kê mô tả thể hiện ở bảng 2 cho thấy, ĐTB chung là 3.54 (mức “Có ảnh hưởng”). Yếu tố “Sự chuẩn bị của cá nhân” xếp cao nhất (ĐTB= 3.94) ở mức độ có ảnh hưởng, diễn ra thường xuyên, cho thấy SV Trường ĐHSPh Hà Nội có sự chuẩn bị cá nhân khi thực hiện thuyết trình. Thấp nhất là “Mức độ nắm được thông tin về người nghe” (ĐTB=3.08; mức có ảnh hưởng nhưng không thường xuyên). Điều này cho thấy SV vẫn cần cải thiện việc hiểu rõ đối tượng người nghe để tạo ra thông điệp thích hợp và tương tác hiệu quả trong quá trình thuyết trình.

2.2.2.5. Đánh giá chung về thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Từ thực trạng trên, có thể thấy rằng SV Trường ĐHSPh Hà Nội còn thiếu tự tin và ít có cơ hội rèn luyện CNTT thường xuyên. Việc sử dụng các công cụ hỗ trợ như slide trình chiếu, hình ảnh, video là phổ biến nhưng chưa đủ để khắc phục hoàn toàn những hạn chế về CNTT của SV. Các yếu tố ảnh hưởng như sự chuẩn bị cá nhân, luyện tập và kiểm soát cảm xúc đều đóng vai trò quan trọng nhưng cần được cải thiện hơn nữa. Việc cải thiện CNTT là rất quan trọng đối với SV sư phạm, vì họ sẽ là những thầy, cô giáo trong tương lai cần phải cách truyền đạt kiến thức tới học trò của mình một cách thu hút và hiệu quả. Do đó, việc rèn luyện nâng cao kỹ năng này thông qua đào tạo và thực hành là điều cần thiết và cần được chú trọng trong chương trình giảng dạy. Đây cũng là cơ sở thực tiễn để đề xuất giải pháp tích hợp rèn luyện CNTT trong các môn Nghiệp vụ ở Trường ĐHSPh Hà Nội.

2.3. Đề xuất giải pháp rèn luyện kỹ năng thuyết trình cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số

Nghiên cứu này đề xuất biện pháp “Tích hợp rèn luyện CNTT trong các môn Nghiệp vụ ở Trường ĐHSPh Hà Nội”, minh họa bằng môn Lí luận dạy học, Chương 3. Các lí thuyết học tập.

- *Mục tiêu giải pháp*: Giúp SV rèn luyện KNTT trong các môn Nghiệp vụ ở Trường ĐHSP Hà Nội.

- *Nội dung thực hiện*: Tích hợp rèn luyện KNTT trong các môn Nghiệp vụ ở Trường ĐHSP Hà Nội với học phần Lí luận dạy học.

- *Cách thức thực hiện*: Đề xuất thử nghiệm tích hợp rèn luyện KNTT với quá trình dạy học nội dung chương trình của Chương 3: Các lí thuyết học tập bao gồm 4 học thuyết chính mà người học cần nắm vững, bao gồm: (1) Thuyết hành vi; (2) Thuyết nhận thức; (3) Thuyết kiến tạo và (4) Thuyết đa trí tuệ.

Nhóm nghiên cứu đã tổ chức một buổi học (gồm 2 tiết học) trang bị kiến thức về KNTT cho SV. Buổi học này bao gồm các nội dung: (1) Cách trình bày nội dung bài thuyết trình, (2) Cử chỉ, ngôn ngữ, hành vi khi thuyết trình, (3) Cách tương tác với người nghe khi thực hiện bài thuyết trình và (4) Kỹ năng xử lí tình huống khi thực hiện thuyết trình. Đồng thời, nhóm nghiên cứu giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm chuẩn bị về lí thuyết học tập; các yêu cầu và phân công như sau: Nhóm 1-3: Tìm hiểu và trình bày về nội dung, đặc điểm và vận dụng trong dạy học của thuyết hành vi; Nhóm 4-7: Tìm hiểu và trình bày về nội dung, đặc điểm và vận dụng trong dạy học của thuyết nhận thức; Nhóm 8-10: Tìm hiểu và trình bày về nội dung, đặc điểm và vận dụng trong dạy học của thuyết kiến tạo; Nhóm 11-15: Tìm hiểu và trình bày về nội dung, đặc điểm và vận dụng trong dạy học của thuyết đa trí tuệ. Thời gian thực hiện thuyết trình sản phẩm nhóm: 04 tuần (từ 21/11 đến 17/12/2023).

Nhóm nghiên cứu cho SV thực hiện bài thuyết trình và đánh giá chéo, đánh giá đồng đẳng giữa các nhóm theo các tiêu chí sau đây:

Bảng 6. Các tiêu chí đánh giá sản phẩm thuyết trình nhóm của SV Trường ĐHSP Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số

STT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Điểm
1	Hình thức	Trang phục, tóc, giày/dép phù hợp, mô phạm	10
2	Nội dung thuyết trình	Đảm bảo tính khoa học	5
		Đảm bảo tính giáo dục	5
		Đảm bảo tính logic, cân đối giữa các phần trong nội dung thuyết trình	5
		Ví dụ minh họa cụ thể, tường minh, hợp lí	10
3	Kỹ thuật thuyết trình	Ngôn ngữ (trong sáng, không mắc các lỗi diễn đạt như: câu thiếu thành phần cơ bản, phát âm sai, nói lắp, nói ngọng,...)	10
		Đặt câu hỏi, tương tác với các nhóm khác	10
		Phong cách nói tự tin, sử dụng ngôn ngữ cơ thể để tăng tính thuyết phục và tạo sự hứng thú	10
		Trả lời câu hỏi, chia sẻ quan điểm, cập nhật các nội dung liên quan tới Lí thuyết học tập	10
		Phối hợp sử dụng được các phương tiện hỗ trợ khi trình bày	5
4	Chuẩn bị	Sự chuẩn bị và phối hợp giữa các thành viên trong nhóm	20
Tổng điểm			100

- *Điều kiện đảm bảo rèn luyện KNTT cho SV Trường ĐHSP Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số*: + Đảm bảo SV có sẵn các phương tiện và công cụ hỗ trợ cần thiết như máy tính, máy chiếu, loa, mic,... để thực hiện các bài thuyết trình của mình; + Cung cấp đầy đủ tài nguyên học tập để SV chuẩn bị cho bài thuyết trình; + SV nhận được sự hỗ trợ, phản hồi từ phía giảng viên và cá nhân, nhóm SV, góp ý và chia sẻ cách thức giải quyết các vấn đề khó khăn trong việc rèn luyện KNTT; + Cung cấp tiêu chí đánh giá bài thuyết trình giữa các nhóm và phản hồi, đánh giá công bằng từ giảng viên sau mỗi phần thuyết trình; + Môi trường học tập thoải mái và không gian phù hợp để SV có thể thực hành rèn luyện KNTT một cách hiệu quả.

3. Kết luận

KNTT của SV trường ĐHSP được tiếp cận ở góc độ kĩ năng sống, kĩ năng giao tiếp và kĩ năng nghề nghiệp. Đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số, KNTT của SV trường ĐHSP được trao thêm nhiều cơ hội và sức truyền cảm với sự hỗ trợ của các thiết bị điện tử, ứng dụng phần mềm, sự thuận tiện và tiềm năng thông tin nhanh nhạy của AI, các hiệu ứng sinh động về âm thanh, hình ảnh. Mặt khác, đó cũng là những yêu cầu đặt ra thách thức nhất định đối với quá trình rèn luyện KNTT hiện nay, tạo ra những khác biệt cơ bản so với KNTT truyền thống trước đây. Nghiên cứu này đề xuất biện pháp tích hợp rèn luyện KNTT cho SV trường ĐHSP trong nội dung của học phần cơ bản trong chương trình đào tạo, trên cơ sở mô tả thực trạng rèn luyện KNTT của SV Trường ĐHSP Hà Nội với bối cảnh chuyển đổi số diễn ra hết sức mạnh mẽ.

Lời cảm ơn: Bài báo này sử dụng kết quả của đề tài cấp Bộ “Phát triển năng lực dạy học kết hợp (Blended teaching) cho sinh viên đại học sư phạm”, mã số: B2024-SPH05, chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Nam Phương.

Tài liệu tham khảo

- De Grez, L., Valcke, M., & Roozen, I. (2009). The impact of an innovative instructional intervention on the acquisition of oral presentation skills in higher education. *Computers & Education*, 53(1), 112-120.
- Dur Thống Nhất, Nguyễn Văn Hiến, Phan Thị Hằng (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực sư phạm của sinh viên: Nghiên cứu tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 43, 55-59.
- Dương Thị Liễu (2009). *Kỹ năng thuyết trình*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Fallows, S., & Steven, C. (2000). Building Employability Skills into the Higher Education Curriculum: A University-wide Initiative. *Education & Training*, 42(2), 75-83.
- Huỳnh Văn Sơn (2018). Một số yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục*, 8(4), 100-109.
- Mai Quang Huy, Đỗ Thị Minh Tâm (2022). *Thực trạng rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội và những yếu tố ảnh hưởng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19*. Kì yếu Hội thảo khoa học sinh viên mở rộng (năm học 2021-2022), Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 190-206.
- Nguyen Duan, Đinh Thi Hong Van, Le Thi Thu Hang, Nguyen Tat Thang (2021). An initial teacher-education model integrating content knowledge and pedagogical professional knowledge for universities of education in Vietnam. *Journal of Social transformation and Education*, 3(1), 183-192. <https://doi.org/10.54480/jste.v2i4.40>
- Nguyễn Nam Phương, Nguyễn Văn Tú (2023). Sự sẵn sàng tham gia các khoá học trực tuyến của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Tạp chí Giáo dục*, 23(1), 59-64.
- Nguyen Thi Hong Chuyen, Tran Thi Thu Tra, Nguyen Thi Hoang Trang (2020). Using Ted talks to enhance presentation skill for the 1st year English majors at Thai Nguyen University of education. *TNU Journal of Science and Technology*, 225(03), 181-188.
- Nguyễn Thị Kim Dung (chủ biên, 2015). *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thị Thế Bình, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Mai Lan, Kiều Phương Thùy (2020). *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Thị Thu Hà (2016). Quản lý giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên các trường đại học theo tiếp cận chức năng quản lý. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 131, 44-46.
- Nguyễn Thị Thu Trang (2019). Thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên sư phạm Trường Đại học Đồng Nai. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Nai*, 13, 9-19.
- Nguyễn Thị Tuấn Anh (2013). Kỹ năng thuyết trình - Một nội dung giáo dục cần thiết cho sinh viên đại học. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ Dầu Một*, 1(8), 27-32.
- Smirnova, N. V., & Nuzha, I. V. (2013). Improving Undergraduate Sociology Students' Presentation Skills through Reflective Learning in an Online Learning Environment. *Journal of Online Learning and Teaching*, 9(3), 406-417.
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2017). *Quyết định số 9779/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 07/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.
- Trương Đức Vinh, Hồ Thủy An (2023). Năng lực thuyết trình tiếng Pháp của sinh viên tiếng Pháp năm 2 Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*, 7(1), 96-107.
- Trương Thị Hoa, Nguyễn Thùy Linh (2017). Thực trạng kỹ năng thuyết trình của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 62(9), 204-212.
- UNESCO (2018). *A Global Framework of Reference on Digital Literacy*. UNESCO Institute for Statistics.
- Vuorikari, R., Punie, Y., Carretero, S., & Brande, L. V. den (2016). *The digital competence framework for citizens*. European Commission. Joint Research Centre. DigComp 2.0: Publications Office.